

Số: 242 /BC-BVHXH

Cà Mau, ngày 23 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định về nhân sự, kinh phí để thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; căn cứ Công văn số 115/HĐND-TT ngày 03/6/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về việc phân công thẩm tra văn bản trình Kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa XI.

Ngày 23/6/2026, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND tỉnh tổ chức Hội nghị thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định về nhân sự, kinh phí để thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra, như sau:

1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; vấn đề còn ý kiến khác nhau

a) Sự cần thiết

Sau khi hợp nhất đơn vị hành chính, tỉnh Cà Mau hiện có 29 dân tộc thiểu số với khoảng 157.495 người, chiếm 6,57% dân số toàn tỉnh; trong đó dân tộc Khmer có số lượng đông nhất với khoảng 126.100 người, chiếm 5,26%. Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống phân tán trên nhiều địa bàn, phần lớn đan xen với cộng đồng dân tộc Kinh. Theo rà soát của ngành Giáo dục và Đào tạo, năm học 2025 - 2026 toàn tỉnh có 4.853 trẻ em dân tộc thiểu số vào lớp Một, trong đó có 4.093 trẻ sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; dự báo năm học 2026 - 2027 có khoảng 2.230 trẻ em dân tộc thiểu số vào lớp Một, trong đó khoảng 1.750 trẻ sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định: “*Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về nhân sự, kinh phí để thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một tại địa phương theo thẩm quyền quy định.*”

Việc tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số bị hạn chế khả năng giao tiếp tiếng Việt trước khi vào lớp Một nhằm chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ bước vào môi trường học tập; giúp trẻ hình thành và phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng giữa các nhóm đối tượng học sinh. Đồng thời, đây cũng là giải pháp thiết thực nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng, miền.

Từ cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định về nhân sự, kinh phí để thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Cà Mau là đủ căn cứ pháp lý, phù hợp với quy định của pháp luật; tạo cơ sở pháp lý để bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

b) Căn cứ pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một;

Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

c) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết quy định về nhân sự, kinh phí để thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT.

- Đối tượng áp dụng:

+ Giáo viên tham gia dạy học tiếng Việt và trẻ em là người dân tộc thiểu số tham gia học tiếng Việt trước khi vào lớp Một ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi điều kiện giao tiếp tiếng Việt trước khi vào lớp Một còn hạn chế.

+ Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Cà Mau thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nhìn chung, dự thảo Nghị quyết đã thể hiện cơ bản rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, cơ bản phù hợp với nội dung quy định cụ thể của văn bản và các quy định có liên quan. Tuy nhiên, việc quy định nêu trên có một số nội dung chưa phù hợp với quy định của Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT quy định đối tượng áp dụng: *“đối với các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi điều kiện giao tiếp tiếng Việt của trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một còn hạn chế; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan”*. Song, tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết chỉ quy định *“Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Cà Mau thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số”* là chưa đầy đủ so với quy định của Thông tư. Đồng thời, đối tượng áp dụng thiếu đối tượng *“Trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một giao tiếp tiếng Việt còn hạn chế”*. Do đó, đề nghị cơ quan trình rà soát bổ sung, điều chỉnh các nội dung tại Điều 2 về đối tượng áp dụng cho phù hợp với quy định.

- Về quy định nhân sự và kinh phí trong dự thảo Nghị quyết:

(1) Về nhân sự: Dự thảo Nghị quyết quy định mỗi lớp bố trí 01 giáo viên tham gia dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; quy mô mỗi lớp từ 10 đến 25 trẻ. Nội dung này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời bảo đảm điều kiện tổ chức lớp học, thuận lợi cho việc quản lý, giảng dạy và nâng cao hiệu quả tiếp thu tiếng Việt của trẻ.

(2) Về kinh phí: Đối với giáo viên tham gia giảng dạy, dự thảo Nghị quyết quy định được hưởng chế độ trả lương dạy thêm giờ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT; số tiết giảng dạy thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT. Việc quy định nêu trên trong dự thảo Nghị quyết chưa chính xác; bởi vì tại điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT quy định *“Quy đổi 01 tiết dạy trực tiếp (hoặc trực tuyến) bằng 1,5 tiết định mức đối với hoạt động chuyên môn Dạy tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trong thời gian nghỉ hè”*; còn chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập được quy định tại Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Do đó, đề nghị cơ quan trình rà soát bổ sung, điều chỉnh nội dung này cho phù hợp.

Đối với trẻ em tham gia học tập, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 350.000 đồng/trẻ để mua sắm đồ dùng học tập và tài liệu học tiếng Việt. Nhìn chung, mức hỗ trợ đối với trẻ em góp phần tạo điều kiện để các em có đủ tài liệu, đồ dùng học tập phục vụ việc học tiếng Việt trước khi vào lớp Một phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng chi ngân sách của địa phương.

d) Ý kiến đại biểu và những vấn đề còn ý kiến khác nhau

Tại Hội nghị thẩm tra, đại biểu thống nhất với nội dung thẩm tra tại điểm c mục 1 của báo cáo này, đồng thời thảo luận, có ý kiến như sau:

- Về Tờ trình: Có thống kê, dự báo năm học 2026 - 2027 có khoảng 2.230 trẻ em dân tộc thiểu số vào lớp Một, trong đó khoảng 1.750 trẻ sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và dự kiến mở 97 lớp học dạy tiếng Việt. Đại biểu cho rằng, số liệu nêu trên là chưa phù hợp với thực tế, bởi vì số liệu nêu trên chỉ là số trẻ sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, không đồng nghĩa là tất cả trong số trẻ em đó điều kiện hạn chế về tiếng Việt. Đại biểu đề nghị cơ quan trình thông tin, giải trình rõ: đối tượng trẻ em là người dân tộc thiểu số nơi điều kiện giao tiếp tiếng Việt trước khi vào lớp Một còn hạn chế thực tế có đối tượng không, nếu có cụ thể là bao nhiêu; bao nhiêu cơ sở giáo dục, giáo viên đảm bảo điều kiện thực hiện tổ chức dạy tiếng Việt trẻ em là người dân tộc thiểu số đúng theo quy định.

- Có đại biểu cho rằng: thực tế trên địa bàn tỉnh Cà Mau không đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số theo quy định của Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT và không có đối tượng áp dụng “Trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một giao tiếp tiếng Việt còn hạn chế”. Bởi vì, tại khoản 2, Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT quy định đối tượng áp dụng: *“đối với các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi điều kiện giao tiếp tiếng Việt của trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một còn hạn chế; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan”*. Tuy nhiên, thực tế trên địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống phân tán trên nhiều địa bàn, phần lớn đan xen với cộng đồng dân tộc Kinh. Mặt khác, tỉnh Cà Mau đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non ở độ tuổi 5 tuổi, do đó đồng nghĩa, trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi bước vào lớp Một có điều kiện giao tiếp tiếng Việt. Dó đó, nếu Nghị quyết ban hành mà không có đối tượng thì dẫn đến lãng phí; hoặc nếu triển khai tổ chức áp dụng trong thực tế có nguy cơ không đảm bảo đối tượng dẫn đến thực hiện sai quy định.

- Có đại biểu đề nghị tiêu chí, điều kiện nào để xác định *“Trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một giao tiếp tiếng Việt còn hạn chế”*.

* Về các nội dung đại biểu có ý kiến nêu trên, lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo có thông tin báo cáo, giải trình, như sau:

- Việc dự kiến mở 97 lớp học dạy tiếng Việt trong năm học 2026 - 2027 cho khoảng 1.750 trẻ em là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số là chưa phù hợp. Tuy nhiên, thực tế có đối tượng trẻ em là người dân tộc thiểu số hạn chế giao tiếp (theo 5 nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT); số lượng trẻ hạn chế về giao tiếp tiếng Việt sẽ có biến động theo từng năm học. Sở tiếp thu và sẽ có thuyết minh, giải trình làm rõ trong hồ sơ trình.

- Về làm rõ tiêu chí, điều kiện để xác định *“Trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một giao tiếp tiếng Việt còn hạn chế”*, vận dụng theo Quyết

định số 4222/QĐ-BGDDT ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi; và tại Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BGDDT có quy định 5 nội dung, cụ thể (1) Chuẩn bị tâm thế vào lớp Một; (2) Hình thành các kỹ năng học tập cơ bản; (3) Hình thành và phát triển năng lực nghe, nói; (4) Hình thành và phát triển năng lực đọc; (5) Hình thành và phát triển năng lực viết. Trong báo cáo số 961/BC-SGDĐT ngày 11/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về thực trạng và nhu cầu dạy, học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDDT, có nêu kết quả khảo sát, đánh giá theo 5 nội dung nêu trên.

- Các nội dung phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nhân sự, kinh phí: Sở sẽ tiếp thu và điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra tại điểm c mục 1 của Báo cáo này.

Nhìn chung, qua thông tin, giải trình của Sở Giáo dục và Đào tạo, đại biểu thống nhất về cơ sở pháp lý là đủ điều kiện ban hành Nghị quyết; tuy nhiên về cơ sở thực tiễn nhiều đại biểu chưa đồng thuận, chưa thống nhất; một số đại biểu vẫn bảo lưu ý kiến, Nghị quyết không đủ điều kiện ban hành do không có đối tượng áp dụng.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu thực tế của địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với những nội dung và nguyên tắc được quy định trong Hiến pháp. Dự thảo nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nội dung dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính, không ảnh hưởng đến phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

5. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực; việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ được phân cấp

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành. Vì vậy, các điều kiện về nguồn lực và điều kiện cho việc thi hành Nghị quyết là đảm bảo tính khả thi.

6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

a) *Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:* Thực hiện cơ bản đảm bảo theo

quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP); Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

b) Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết:

Trước khi xây dựng nghị quyết, Thường trực HĐND tỉnh đã ban hành Danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết các luật, nghị định và thông tư, làm cơ sở để UBND tỉnh triển khai xây dựng nghị quyết¹.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết, đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định 187/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP².

Trong quá trình xây dựng văn bản, cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp dự thảo và các tài liệu có liên quan; đồng thời, đăng tải các tài liệu này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Nội dung dự thảo Nghị quyết được Sở Tư pháp tổ chức thẩm định đúng quy trình. Trước khi gửi hồ sơ đến Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra, đã tổ chức lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh³. Hồ sơ gửi thẩm tra cơ bản đảm bảo quy định.

Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết, không có nội dung ý kiến đóng góp của Sở Khoa học và Công nghệ; đồng thời trong dự thảo hồ sơ gửi lấy ý kiến cơ quan soạn thảo chưa dự kiến được nguồn lực thực hiện

¹ Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 29/4/2026 của Thường trực HĐND tỉnh về Ban hành Danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

² Hồ sơ trình thẩm tra gồm: (1) Tờ trình số 474/TTr-UBND ngày 16/6/2026 của UBND tỉnh; (2) dự thảo Nghị quyết; (3) Báo cáo số 730/BC-STP ngày 08/6/2026 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết; (4) Báo cáo số 4098/BC-SGDĐT ngày 08/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (5) Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp, giải trình đối với dự thảo Nghị quyết và các văn bản đóng góp ý kiến của thành viên UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương...; (6) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo.

³ Báo cáo số 4304/BC-SGDĐT ngày 16/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính ý, Sở Nội vụ chưa đảm bảo quy định tại khoản 25 điểm b Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Mặt khác, báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp chưa có nội dung thẩm định về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 6 điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi tại điểm d khoản 26 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Về thành phần hồ sơ, dự thảo Nghị quyết không đóng dấu treo cơ quan trình theo quy định tại khoản điểm a khoản 2 Điều 47 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết không thực hiện đúng mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định.

7. Quan điểm của Ban

Qua ý kiến thảo luận của đại biểu và ý kiến thông tin, giải trình của Sở Giáo dục và Đào tạo; do còn nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau, Ban tiến hành lấy ý kiến biểu quyết, kết quả có 02/07 thành viên Ban có mặt đồng ý cho điều chỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2026. Theo kết quả nêu trên, không đủ điều kiện để Ban đề nghị trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết. Tuy nhiên, do đây là Nghị quyết chi tiết văn bản quy phạm pháp luật cấp trên giao và đối tượng tác động, thụ hưởng là trẻ em người dân tộc thiểu số (liên quan đến việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số); Ban đã xin ý kiến thành viên dự họp thẩm tra thống nhất cho cơ quan trình hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết bổ sung thuyết minh, giải trình làm rõ các cơ sở thực tiễn theo các ý kiến của đại biểu tại Hội nghị thẩm tra để xin ý kiến đại biểu HĐND tỉnh xem xét tại cuộc thảo luận Tổ.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định về nhân sự, kinh phí để thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Cà Mau, trình Kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh, Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở GDĐT; KHCN; Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính, Sở Nội vụ;
- Khách mời Kỳ họp thứ 4;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CT HĐND;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, QT.

TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN



Trần Thị Huỳnh Dao

